

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 127/2023/HC-PT

Ngày 07 - 3 - 2023

*V/v khởi kiện quyết định hành chính,
hành vi hành chính trong lĩnh vực quản
lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Duy Nhiệm;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Đình Khánh;

Bà Vũ Thị Thu Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm, công khai vụ án hành chính thụ lý số 664/2022/TLPT-HC ngày 20 tháng 12 năm 2022 về “*Khởi kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2022/HC-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1395/QĐ-PT ngày 17/02/2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Đoàn Văn A, sinh năm 1966; có mặt;

Địa chỉ: Thôn PT, xã ĐL, huyện GB, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông A: Văn phòng luật sư HT và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội;

Địa chỉ: Số 93, tổ 18, ĐC, phường CD, quận NTL, Thành phố Hà Nội do ông Phương Hữu A1 - Trưởng văn phòng làm đại diện. (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 02/6/2022), ông Phương Hữu A1 có mặt.

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) và Chủ tịch UBND huyện GB, tỉnh Bắc Ninh;

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Bá A2, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện GB, có mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. UBND xã DL, huyện GB;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn A3, chức vụ: Chủ tịch UBND xã DL, có văn bản đề nghị vắng mặt.

2. Bà Trần Thị A4, sinh năm 1967, có mặt;

3. Anh Đoàn Tấn A5, sinh năm 1994, vắng mặt;

Cùng địa chỉ: Thôn PT, xã DL, huyện GB, tỉnh Bắc Ninh.

4. Anh Đoàn Văn A6, sinh năm 1989, vắng mặt;

Địa chỉ: Căn B6-03 Tầng 6, Tòa nhà HH2 Khu CNĐT ĐM, phường ĐM, quận NTL, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Trần Thị A4, anh Đoàn Tấn A5, anh Đoàn Văn A6: Văn phòng luật sư HT và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội;

Địa chỉ: Số 93, tổ 18, ĐC, phường CD, quận NTL, Thành phố Hà Nội do ông Phương Hữu A1 - Trưởng văn phòng làm đại diện. (Theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 02/6/2022), ông Phương Hữu A1 có mặt.

** Người kháng cáo:* Ông Đoàn Văn A, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ vụ án và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Ngày 01/12/1992 thôn PT bán đất trong làng cho các hộ dân để làm đất ở lâu dài. Ông Đoàn Văn A (bố ông A) có đứng ra mua mảnh đất ao trước cửa nhà bà Bính, nằm tại: Thôn PT để làm nhà ở. Khi đó mua cụ A và ông A7 (em trai ông Nguyễn Văn A8) cùng mua chung mảnh đất ao với giá khoảng gần 4.000.000 đồng. Ngày 01/12/1992, ông Đoàn Xuân A9 đã nhận 2 triệu đồng chờ làm biên bản thủ tục sau và gửi trả hóa đơn. Sau đó hai hộ đã chia ra làm 3 thửa đất. Hộ ông A sử dụng riêng thửa đất số 66, tờ bản đồ số 29, diện tích 218 m²; hộ ông Nguyễn Văn A8 sử dụng riêng thửa đất số 111, tờ bản đồ số 29, diện tích 262 m²; còn mảnh đất có 420 m², thuộc thửa đất 83, tờ bản đồ số 29 hộ ông Nguyễn Văn A8 sử dụng 185 m², hộ ông A sử dụng 235 m². Hộ ông A đã đổ đất xây dựng nhà, công trình phụ phục vụ cho sinh hoạt trên toàn bộ 2 thửa đất nêu trên từ năm 1998, với tổng diện tích là 453m². Năm 2002 các thửa đất đã có tên trên bản đồ địa chính.

Ngày 27/8/2003 hộ ông A làm đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (sau đây gọi tắt là GCNQSD) đất ở đối thửa đất 66, diện tích 218 m² và thửa đất 83, diện tích 235 m². Tổng diện tích là 453 m², với loại đất T, mục đích là đất ở, thời hạn là Lâu dài.

Ngày 08/4/2004 UBND huyện GB ban hành Quyết định 102/QĐ-UBND (sau đây gọi tắt là Quyết định 102) cấp GCNQSD đất cho gia đình ông A tổng diện tích 453m². Trong đó: Đất ở 218m² và đất ao 235m². Năm 2012 gia đình ông làm thủ tục cấp lại GCNQSD đất là: Thửa số 66 diện tích 218m² đất ở và thửa số 219 diện tích 231m² (thiếu 4m²) đất nuôi trồng thủy sản.

Trong khi đó, ông Nguyễn Văn A8 là người mua chung đất ao với gia đình ông A nhưng ngày 13/9/2012 vợ chồng ông Nguyễn Văn A8 lại được UBND huyện GB cấp GCNQSD đất là “Đất ở tại nông thôn” diện tích 189m². Trong khi đó vợ chồng ông A lại chỉ được cấp là “đất nuôi trồng thủy sản nước ngọt” diện tích 231m².

Sau khi nhận được GCNQSD đất biết đối với thửa đất đồ số 219, tờ bản đồ số 29 diện tích 231m² mục đích sử dụng là nuôi trồng thủy sản nước ngọt, đồng thời diện tích lại bị thiếu 4m² so với GCNQSD đất cấp năm 2004; ông A đã khiếu nại và ngày 24/7/2015 UBND xã ĐL đã trả lời đơn kiến nghị của ông A tại Công văn số 88 với nội dung cho rằng việc cấp đổi GCNQSD đất cho gia đình ông A là thực hiện theo quyết định của UBND huyện. Không đồng ý nên gia đình ông A đã khiếu nại lên UBND huyện GB. Ngày 14/3/2022 Chủ tịch UBND huyện GB ban hành Kết luận 272 với nội dung không công nhận thửa đất ao là đất ở.

Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện trình bày:

Đất của gia đình ông mua cùng thời điểm và cùng tách ra từ một thửa đất ao với gia đình ông Nguyễn Văn A8; mục đích gia đình thỏa thuận với UBND xã là mua đất ở; nhưng đất của ông A8 diện tích 185m² nguồn gốc cũng mua đất ao giống gia đình ông thì được cấp đất ở, còn gia đình ông lại là cấp đất nuôi trồng thủy sản là không đúng. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 08/4/2004 của UBND huyện GB về việc cấp GCNQSD đất đối với gia đình ông Đoàn Văn A.
- Hủy Kết luận số 272/KL-UBND ngày 14/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện GB về việc trả lời đơn đề nghị của ông Đoàn Văn A, thôn PT, xã ĐL.
- Yêu cầu UBND huyện GB phải cấp cho gia đình ông Đoàn Văn A diện tích 453m² đất ở.

Người bị kiện là UBND và Chủ tịch UBND huyện GB trình bày:

- Đối với việc cấp GCNQSD đất cho ông Đoàn Văn A:

Ngày 27/8/2003, ông Đoàn Văn A làm đơn xin đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 02 thửa đất tờ bản đồ số 29, với tổng diện tích 453m², mục đích sử dụng đất ở, nguồn gốc ghi là đất cũ, gồm: Thửa số 66 diện tích 218 m²; thửa số 83 diện tích 235m², được UBND xã ĐL xác nhận ngày 27/11/2003. Ngày 13/11/2003, Hội đồng xét duyệt của UBND xã ĐL lập biên bản xét duyệt đơn xin đăng ký cấp GCNQSD đất cho các hộ trong đó có hộ ông A. Sau đó ngày 14/11/2003, UBND xã đã tổ chức thông báo công khai hồ sơ kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 08/02/2004 UBND xã có Tờ trình số 04 đề nghị UBND huyện cấp GCNQSD đất cho các hộ đủ điều kiện; trong đó hộ ông A

gồm 2 thửa đất gồm: Thửa số 66 diện tích 218m², loại đất ở; thửa số 83 diện tích 235m², loại đất ao.

Ngày 08/4/2004 UBND huyện GB ban hành Quyết định số 102/QĐ-UBND về việc cấp GCNQSD đất ở xã ĐL; trong đó hộ ông A được cấp 453m², gồm 02 thửa đất: Thửa số 66 diện tích 218m², mục đích sử dụng đất ở; thửa số 83 diện tích 235m², mục đích sử dụng đất ao. GCNQSD đất cấp cho ông Đoàn Văn A cấp chung cho 02 thửa đất mục đích theo Quyết định cấp GCNQSD đất.

Như vậy, việc UBND huyện GB ban hành Quyết định số 102/QĐ-UBND cấp GCNQSD đất cho hộ ông A là đảm bảo theo quy định về đất đai tại thời điểm cấp.

- Đối với việc ông Đoàn Văn A khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Kết luận số 272/KL-UBND ngày 14/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện GB:

Ông Đoàn Văn A có đơn đề nghị gửi UBND huyện GB; Ngày 18/10/2021 UBND huyện đã thành lập tổ công tác kiểm tra, xác minh, tham mưu giải quyết đơn của công dân xã ĐL: Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra, xác minh; căn cứ vào kết quả xác minh, đối thoại, Tổ công tác đã tham mưu UBND huyện ban hành Kết luận số 272/KL-UBND ngày 14/3/2022, kết quả cụ thể như sau:

Về nguồn gốc đất: Năm 1992, thôn PT có chủ trương bán một số diện tích đất xen kẹp trong làng để lấy kinh phí làm đường điện của thôn; Trong đó địa phương có bán cho ông Đoàn Văn A (là bố đẻ ông A) và ông Nguyễn Văn Nở (là em trai ông Nguyễn Văn A8) diện tích ao tập thể khu bà Tính thôn PT, xã ĐL với diện tích khoảng 638 m² (Thửa đất của ông Đoàn Văn A được đo tách thành 2 thửa, gồm thửa 66, tờ bản đồ 29, diện tích 218 m²; thửa 83, tờ bản đồ 29, diện tích 235 m² và hộ ông Nguyễn Văn A8 cùng chung thửa đất số 83 với nhà ông A với diện tích 185 m²). Căn cứ tài liệu mà ông A cung cấp thì tại Giấy biên nhận ngày 01/12/1992 ông Đoàn Xuân A9 - Trưởng thôn PT xác nhận: “Tập thể bán ao khu bà Tính cho ông A và anh Nở, tạm nhận số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Ngoài ra ông A không còn giấy tờ gì để xác định nguồn gốc đất và việc nộp tiền để được sử dụng đất. Làm việc với cán bộ thôn PT thời kỳ năm 1992 và UBND xã ĐL khẳng định địa phương không còn lưu giữ giấy tờ, hay hồ sơ sổ sách gì liên quan đến việc mua bán đất. Nhưng khẳng định thời điểm năm 1992 địa phương có chủ trương bán một số đất xen kẹp, ao làng để lấy kinh phí làm đường; việc địa phương có bán đất ao bà Tính cho ông A (Bố ông A) và ông A7 (em trai ông A8) là đúng. Như vậy, thửa đất của hộ ông Đoàn Văn A đang sử dụng có nguồn gốc do thôn PT giao trái thẩm quyền thời điểm năm 1992; giấy tờ mua bán đất, phiếu thu tiền đất hộ ông Đoàn Văn A và hồ sơ thôn PT, UBND xã ĐL không còn lưu trữ. Tại thời điểm cấp GCNQSD đất năm 2003 - 2004, ông A kê khai nguồn gốc đất là đất cũ là không chính xác.

Việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Thực hiện dự án xây dựng địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai tại xã ĐL, ngày 06/5/2011, gia đình ông A làm hồ sơ xin cấp đổi GCNQSD đất nêu trên, được Hội đồng đăng ký đất đai của xã ĐL, cơ quan Tài nguyên và Môi trường xét đủ điều kiện được cấp đổi GCNQSD đất và trình UBND huyện GB cấp đổi GCNQSD đất. Ngày 13/9/2012 gia đình ông A được cấp đổi 2 GCNQSD đất cho 2 thửa đất, cụ thể: Thửa đất số 66, tờ bản

đồ số 29, diện tích 218m², GCNQSD đất số phát hành BN467793, mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn; thửa đất số 219 (thửa 83 cũ), GCNQSD đất số phát hành BN 467794, diện tích 231m², mục đích sử dụng đất là nuôi trồng thủy sản, năm 2012 hộ được cấp đổi GCNQSD đất là phù hợp theo quy định của pháp luật. Năm 2003-2004 việc cấp GCNQSD đất lần đầu hộ ông A không thu lệ phí trước bạ hay tiền sử dụng đất. Năm 2011-2012 khi thực hiện cấp đổi GCNQSD đất cho hộ ông Đoàn Văn A hồ sơ không thực hiện chuyển thông tin địa chính sang Chi cục thuế, không thực hiện nghĩa vụ tài chính.

Như vậy, tại thời điểm cấp GCNQSD đất cho hộ năm 2003-2004, việc xác định diện tích đất ở cho hộ phải trên cơ sở xác định chi tiết hiện trạng sử dụng và mục đích để ở và sinh hoạt của hộ. Việc cấp đổi GCNQSD đất thời điểm năm 2012 theo dự án cơ sở dữ liệu địa chính xã ĐL được căn cứ Luật Đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn. Việc UBND huyện GB ban hành Kết luận số 272/KL-UBND ngày 14/3/2022 về việc giải quyết đơn của ông Đoàn Văn A là đảm bảo đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

Đối với việc ông Đoàn Văn A yêu cầu UBND huyện GB phải cấp cho gia đình ông 453m² đất ở là không có căn cứ pháp lý, không phù hợp với quy định về cấp GCNQSD đất. Đề nghị Tòa án không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Đoàn Văn A.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND xã ĐL trình bày:

Hộ ông A hiện tại đang sử dụng 02 thửa đất: Thửa thứ nhất là thửa số 66, tờ bản đồ số 29, diện tích 218m² đã được cấp GCNQSD đất, mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn (ONT); thửa thứ 2 là thửa số 219 (thửa 83 cũ), diện tích 231m², mục đích sử dụng là đất nuôi trồng thủy sản (NTTS).

Về nguồn gốc đất: Đất của hộ ông A được thôn PT giao bán trái thẩm quyền từ năm 1992 cho ông Đoàn Văn A (bố ông A). Năm 2003 ông A kê khai và được UBND huyện cấp GCNQSD đất với tổng diện tích là 453m², trong đó có 218m² là đất ở tại nông thôn; 235m² là đất ao. Năm 2011-2012 xã ĐL thực hiện dự án cơ sở dữ liệu đất đai, ông A kê khai cấp đổi và được cấp 02 GCNQSD đất như nêu trên. Việc kê khai đăng ký cấp GCNQSD đất của hộ ông A được thực hiện theo trình tự quy định của pháp luật, xét, công khai dân chủ, được cơ quan có thẩm quyền thẩm định cấp GCNQSD đất theo quy định, do vậy UBND xã không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông A.

Với nội dung trên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2022/HC-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định: Căn cứ vào Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương; căn cứ Luật khiếu nại năm 2011; Luật Đất đai năm 1993; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 1998; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đất đai năm 2001 và Luật Đất đai năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn A; cụ thể:

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc Hủy Quyết định số 102/QĐ-UBND ngày 08/4/2004 của UBND huyện GB về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với gia đình ông Đoàn Văn A.

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc Hủy Kết luận số 272/KL-UBND ngày 14/3/2022 của Chủ tịch UBND huyện GB về việc trả lời đơn đề nghị của ông Đoàn Văn A, thôn PT, xã ĐL.

- Bác yêu cầu khởi kiện về việc Yêu cầu UBND huyện GB phải cấp cho gia đình ông Đoàn Văn A diện tích 453m² đất ở.

Ngoài ra bản án còn quyết định nghĩa vụ về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/10/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh nhận được đơn kháng cáo của ông Đoàn Văn A, với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông A giữ nguyên toàn bộ nội dung kháng cáo.

- Phía người khởi kiện trình bày như sau: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã không căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án dẫn đến thiếu khách quan. Phía người khởi kiện cho rằng Quyết định 102 là trái pháp luật. Bởi vì, căn cứ giấy biên nhận số tiền 2.000.000đ thể hiện gia đình ông A mua đất năm 1992 là đất ao; thửa đất số 83 là chung với thửa đất của hộ ông A8, nhưng gia đình ông A8 lại được cấp là đất ở, còn ông A chỉ được cấp là đất ao; gia đình ông A xây nhà 2 tầng trên thửa đất số 66 vào năm 1998, còn thửa 82 xây dựng các công trình phụ. Do đó, diện tích 453m² đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất là đất ở; ông A đã kê khai, đăng ký để được cấp GCNQSD đất toàn bộ diện tích là đất ở và UBND xã cũng đã xét duyệt, đủ điều kiện và có tờ trình đề nghị cấp 453m² là đất ở, nhưng Quyết định 102 chỉ cấp 218m² là đất ở, còn lại là đất ao. Từ đó dẫn đến Chủ tịch UBND huyện GB ban hành Kết luận 272 không đúng pháp luật. Do đó, người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A.

- Người bị kiện trình bày: Cơ bản giữ nguyên ý kiến như đã trình bày tại cấp sơ thẩm; ý kiến trình bày của phía người khởi kiện là không có căn cứ; vì theo quy định thì đất ao là đất ao, ông A đã được cấp 218m² là đất ở và đã xây dựng nhà 2 tầng, nhưng không phải thực hiện bất cứ nghĩa vụ tài chính gì đối với Nhà nước là đã có lợi. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà A4 trình bày: Gia đình bà đã nộp 2.000.000đ là tiền sử dụng đất, xã đã xét duyệt đủ điều kiện cấp đất ở, nhưng huyện lại không chấp nhận; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tuân theo đúng các quy định của

pháp luật tổ tụng hành chính; những người tham gia tố tụng ở giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung: Ông Đoàn Văn A kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn khởi kiện của ông để hủy Quyết định số 102, kết luận số 272 của UBND và Chủ tịch UBND huyện GB, buộc UBND huyện GB phải cấp đổi GCNQSD đất của ông từ đất ao, sang đất ở là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của ông A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội; lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử thấy như sau:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền, thời hiệu khởi kiện: Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là Quyết định 102 của UBND huyện GB về việc cấp GCNQSD đất của ông Đoàn Văn A; Kết luận số 272 về việc giải quyết khiếu nại của ông Đoàn Văn A; đồng thời yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện GB phải cấp đổi GCNQSD đất cho ông. Đây là các quyết định hành chính cá biệt và hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước cấp huyện trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Do không đồng ý với quyết định 102, ông Đoàn Văn A đã khiếu nại và ngày 24/7/2015 UBND xã ĐL đã có văn bản số 88 trả lời khiếu nại của ông A; ông A tiếp tục khiếu nại và ngày 14/3/2022 Chủ tịch UBND huyện GB ban hành Kết luận số 272 về giải quyết khiếu nại của ông A. Không đồng ý với kết luận giải quyết khiếu nại, ngày 15/3/2022 ông A có đơn khởi kiện tại Tòa án là đang trong thời hạn một năm, nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[2] Xác định tư cách người tham gia tố tụng trong vụ án và sự có mặt của các đương sự tại phiên tòa: Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người khởi kiện, người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa một số đương sự vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, hoặc đã có người đại diện theo ủy quyền. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

** Về nội dung:*

[3] Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai qua các thời kỳ, cũng như các đương sự thừa nhận thì: Năm 1992 ông Đoàn Văn A (là bố ông A) và ông Nguyễn Văn Nở

(là em trai ông Nguyễn Văn A8) được thôn PT chuyển nhượng diện tích ao tập thể khu bà Tính thôn PT, xã ĐL với diện tích khoảng 638 m². Thửa đất của ông Đoàn Văn A được đo tách thành 2 thửa, gồm thửa 66, tờ bản đồ 29, diện tích 218 m²; thửa 83, tờ bản đồ 29, diện tích 235 m² và hộ ông Nguyễn Văn A8 cùng chung thửa đất số 83 với nhà ông A với diện tích 185 m². Năm 2003 ông A kê khai cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất nêu trên. Tuy nhiên, ông A lại kê khai nguồn gốc là “đất cũ”, nên mặc dù Hội đồng xét duyệt của xã xét đủ điều kiện để cấp GCNQSD đất đối với toàn bộ diện tích là đất ở nông thôn, nhưng căn cứ nguồn gốc sử dụng đất là đất ao, nên UBND huyện GB ban hành Quyết định số 102 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã phê duyệt cấp cho gia đình ông A tổng 453m², gồm 02 thửa đất: Thửa số 66 diện tích 218m², mục đích sử dụng đất ở; thửa số 83 diện tích 235m², mục đích sử dụng đất ao là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật đã có lợi cho người khởi kiện. Bởi vì, khi kê khai làm thủ tục cấp GCNQSD đất đối với 02 thửa đất này gia đình ông A không phải nộp bất kỳ khoản nghĩa vụ tài chính nào đối với Nhà nước. Ông A cho rằng ông mua đất đã thỏa thuận với thôn là mua đất mục đích để ở, nhưng ngoài Giấy biên nhận ngày 01/12/1992 ông Đoàn Xuân A9 - Trưởng thôn PT xác nhận: “Tập thể bán ao khu bà Tính cho ông A và anh Nở, tạm nhận số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng)”, thì không còn tài liệu gì khác để chứng minh nguồn gốc sử dụng đất là đất ở. Hơn nữa, thửa đất của hộ ông Đoàn Văn A đang sử dụng có nguồn gốc là đất ao do thôn PT giao trái thẩm quyền thời điểm năm 1992, nếu có việc thỏa thuận với thôn như ông A trình bày, thì thỏa thuận đó là trái pháp luật; vì thôn không có thẩm quyền bán đất và càng không có thẩm quyền quyết định đó là loại đất gì. Năm 2012 khi thực hiện dự án cơ sở dữ liệu địa chính tại xã ĐL và cấp lại GCNQSD đất thì bản thân gia đình ông A cũng đã kê khai xin cấp lại GCNQSD đất đối với Thửa đất số 66, tờ bản đồ số 29, diện tích 218m² (mục đích sử dụng là đất ở tại nông thôn); thửa đất số 219 (thửa 83 cũ), diện tích 231m² (mục đích sử dụng đất là nuôi trồng thủy sản) theo đúng GCNQSD đất đã cấp năm 2004. Việc cấp đổi GCNQSD đất thời điểm năm 2012 theo dự án cơ sở dữ liệu địa chính xã ĐL được căn cứ Luật đất đai năm 2003 và các văn bản hướng dẫn. Sau khi được cấp GCNQSD đất, gia đình ông A sử dụng ổn định nhưng không có ý kiến gì.

[4] Đối với Kết luận số 272/KL-UBND ngày 21/01/2022 của Chủ tịch UBND huyện GB về việc trả lời đơn đề nghị của ông Đoàn Văn A, thấy: không đồng ý với Quyết định 102, ông A có đơn khiếu nại; sau khi nhận được đơn Chủ tịch UBND huyện GB đã thụ lý đơn, cho tiến hành xác minh nội dung đơn khiếu nại, tổ chức đối thoại với người khiếu nại. Như đã phân tích ở trên thì việc UBND huyện GB cấp GCNQSD đất cho ông A theo Quyết định số 102 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật; khiếu nại của ông A không có căn cứ, nên Chủ tịch UBND huyện GB đã ban hành Kết luận số 272/KL-UBND ngày 21/10/2022 về việc giải quyết khiếu nại của ông A. Theo đó, không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông A là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Tổng hợp các phân tích trên thấy rằng: Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn Văn A là có căn cứ, phù hợp với pháp luật; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự quy định

của pháp luật; đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự; tại cấp phúc thẩm không có thêm tình tiết gì mới, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông A; đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[6] Về án phí: Ông A không được chấp nhận kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Bác kháng cáo của ông Đoàn Văn A; giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 31/2022/HC-ST ngày 22/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Về án phí: Ông Đoàn Văn A phải chịu 300.000đ án phí hành chính phúc thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai số 0000265, ngày 26/10/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận ông A đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THA dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Duy Nhiệm